

Số: 237 /2024/QĐST-DS

Sơn Trà, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 208/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thùy L, sinh năm 1979

Địa chỉ: P, Chung cư A T đường T, quận S, thành phố Đà Nẵng

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954

Địa chỉ: K L, tổ B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị Thùy C, sinh năm 1976; địa chỉ: K L, tổ B phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng

- Bà Võ Thị Thùy P, sinh năm 1990; địa chỉ: K L, tổ B phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng

- Bà Võ Thị Thùy Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: K L, tổ B phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định di sản thừa kế của ông Võ Văn T để lại là: $\frac{1}{2}$ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 398, tờ bản đồ số 39, diện tích 65,7; tọa lạc tại tổ B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 257616, số vào sổ cấp GCN: CH02846 do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/12/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T (chết), giá trị $(2.500.205.813 \text{ đồng} : 2) = 1.250.102.906 \text{ đồng}$ (*Một tỷ, hai trăm năm mươi triệu, một trăm lẻ hai nghìn, chín trăm lẻ sáu đồng*).

2. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng tài sản của ông Võ Văn T gồm các bà Nguyễn Thị H, Võ Thị Thùy C, Võ Thị Thùy L, Võ Thị Thùy P và Võ Thị Thùy Đ.

Mỗi kỹ phần có giá trị là: $(1.250.102.906 \text{ đồng} : 5) = \mathbf{250.020.581 \text{ đồng}}$ (*Hai trăm năm mươi triệu, không trăm hai mươi nghìn, năm trăm tám mươi một đồng*).

3. Công nhận sự thống nhất thỏa thuận của các đương sự như sau:

3.1. Bà Võ Thị Thùy C, bà Võ Thị Thùy P và bà Võ Thị Thùy Đ tự nguyện giao cho bà Nguyễn Thị H được toàn quyền định đoạt, sở hữu kỹ phần của mình sau khi mỗi người đã nhận từ ông Võ Văn T số tiền 250.020.581 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu, không trăm hai mươi nghìn, năm trăm tám mươi một đồng*).

Như vậy, bà Nguyễn Thị H được hưởng giá trị tài sản tương đương: 1.000.082.324 đồng (*Một tỷ, không trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi bốn đồng*).

3.2. Giao cho bà Nguyễn Thị H được toàn quyền quản lý, sở hữu thửa đất số 398, tờ bản đồ số 39, diện tích 65,7; tọa lạc tại tổ B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 257616, số vào sổ cấp GCN: CH02846 do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/12/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T (chết). Thửa đất có tứ cận: H: Giáp nhà bà C, bà P, bà Đ; Hướng T1: G đường M; Hướng N: Giáp nhà dân đường M; Hướng B: Giáp mương thoát nước.

3.3. Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm bồi trả cho bà Võ Thị Thùy L kỹ phần có giá trị là 250.020.581 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu, không trăm hai mươi nghìn, năm trăm tám mươi một đồng*). (Đã giao nhận xong, theo biên bản giao nhận ngày 24/12/2024).

4. Bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với các Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh công nhận quyền sử dụng đất nói trên theo quy định của pháp luật sau khi hoàn tất các nghĩa vụ và phải chịu mọi thuế, phí điều chỉnh nếu có.

5. Về các chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) và chi phí định giá tài sản: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Bà Võ Thị Thùy L tự nguyện chịu (*Đã nộp, đã chi*).

Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi (*có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí*) nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

+ Bà Võ Thị Thùy L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.514 đồng. Đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại lai thu số 0002891 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà Võ Thị Thùy L còn phải tiếp tục nộp số tiền là 5.950.515 đồng (*Năm triệu, chín trăm năm mươi nghìn, năm trăm mười lăm đồng*).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ